VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2022/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2022*

THÔNG TƯ
Quy định việc tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Luật Tổ chức cơ quan Điều tra hình sự ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Công an;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định việc tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh trong Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh trong Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, Công an xã, phường, thị trấn, đồn Công an (sau đây gọi chung là Công an đơn vị, địa phương).

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, học viên, công nhân Công an, lao động hợp đồng (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ Công an).

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khiếu nại, kiến nghị, phản ánh.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý đơn

1. Việc xử lý đơn phải bảo đảm tuân thủ pháp luật; nhanh chóng, kịp thời; rõ ràng, thống nhất và tạo điều kiện thuận tiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục về khiếu nại, kiến nghị, phản ánh.

2. Đơn phải được gửi, chuyển đến đúng cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền giải quyết.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh* là văn bản được trình bày theo quy định của pháp luật, có nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh, gửi đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền giải quyết.

2. *Xử lý đơn* là việc tiếp nhận, phân loại đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh chuyển đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. *Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan, đơn vị, cán bộ, chiến sĩ Công an* là việc người khiếu nại đề nghị cấp có thẩm quyền trong Công an nhân dân xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

4. *Khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, chiến sĩ Công an* là việc người khiếu nại đề nghị cấp có thẩm quyền trong Công an nhân dân xem xét lại quyết định kỷ luật khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

5. *Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng hình sự* là việc người khiếu nại đề nghị cấp có thẩm quyền trong Công an nhân dân xem xét lại quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 469 và Điều 470 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

6. *Khiếu nại quyết định, hành vi của cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền thi hành án hình sự* là việc người khiếu nại đề nghị cấp có thẩm quyền trong Công an nhân dân xem xét lại quyết định, hành vi của cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thi hành án hình sự khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 176 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

7. *Kiến nghị, phản ánh* là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng, đề xuất giải pháp với cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền trong Công an nhân dân về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật, công tác quản lý các lĩnh vực thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị Công an.

8. *Đơn có nội dung về công tác biên chế, công tác cán bộ, công tác bảo vệ chính trị nội bộ, công tác chính sách, công tác bảo hiểm trong Công an nhân dân* là việc cán bộ, chiến sĩ Công an đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền xem xét lại quyết định liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI, XỬ LÝ BAN ĐẦU

Điều 5. Tiếp nhận đơn

Đơn được tiếp nhận để phân loại và xử lý từ các nguồn sau đây:

1. Đơn được gửi qua dịch vụ bưu chính; hộp thư góp ý của cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân.

2. Đơn do cá nhân, đại diện cơ quan, tổ chức đến cơ quan Công an để khiếu nại, kiến nghị, phản ánh trực tiếp.

3. Đơn do lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Đại biểu Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, cơ quan báo chí và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác chuyển đến theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Căn cứ phân loại đơn

1. Đơn được phân loại không phụ thuộc vào tiêu đề, theo các căn cứ sau:

a) Nội dung trình bày trong đơn;

b) Mục đích, yêu cầu của người viết đơn.

2. Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, cán bộ xử lý đơn báo cáo, đề xuất Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp mình xem xét, xử lý đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý ban đầu

1. Đơn đủ điều kiện xử lý là đơn đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Hình thức đơn: Đơn được viết bằng tiếng Việt; ghi rõ ngày, tháng, năm viết đơn; họ, tên, địa chỉ của người viết đơn; có chữ ký hoặc điểm chỉ của người viết đơn. Trường hợp đơn viết bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm bản dịch được công chứng;

b) Nội dung đơn: Đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; nội dung, lý do khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; yêu cầu của người khiếu nại, kiến nghị, phản ánh;

c) Các tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh (nếu có).

2. Đơn không đủ điều kiện xử lý bao gồm:

a) Đơn không đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đơn được gửi cho nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong đó có cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người có thẩm quyền giải quyết mà cơ quan, đơn vị tiếp nhận đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết;

c) Đơn trùng nội dung đã chuyển đơn hoặc đã được hướng dẫn theo quy định;

d) Đơn có nội dung chống đối đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đơn có nội dung chia rẽ đoàn kết dân tộc, tôn giáo; đơn có lời lẽ thô tục, bôi nhọ, xúc phạm danh dự, uy tín của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị;

đ) Đơn rách nát, chữ viết bị tẩy xóa, không rõ, không thể đọc được.

3. Đơn có nhiều nội dung về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thì cán bộ xử lý đơn hướng dẫn người gửi đơn tách riêng từng nội dung để gửi đến đúng cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền giải quyết. Trường hợp đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp mình thì đề xuất tách riêng từng nội dung để giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

4. Thời hạn xử lý đơn khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Khiếu nại năm 2011; thời hạn xử lý đơn kiến nghị, phản ánh được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Tiếp công dân năm 2013.

Mục 2
XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI, ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 8. Xử lý đơn khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính

1. Trường hợp khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp nào thì cán bộ xử lý đơn đề xuất Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp đó thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu khiếu nại thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 thì cán bộ xử lý đơn phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và thông báo bằng văn bản về việc không thụ lý đơn cho người khiếu nại biết.

2. Trường hợp khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính không thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an tiếp nhận đơn:

a) Cán bộ xử lý đơn căn cứ quy định tại Điều 6 Thông tư này, đề xuất chuyển khiếu nại đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền xem xét, giải quyết;

b) Thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển khiếu nại đến;

c) Thông báo việc chuyển đơn cho cơ quan Thanh tra Công an cùng cấp (nếu có).

3. Trường hợp cơ quan, đơn vị Công an nhận được khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp dưới trực tiếp, nhưng quá thời hạn quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011 mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết thì cán bộ xử lý đơn đề xuất Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai thụ lý giải quyết; đồng thời thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển khiếu nại đến.

Điều 9. Xử lý đơn khiếu nại quyết định kỷ luật

1. Phân loại đơn theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp nào thì đề xuất Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp đó thụ lý giải quyết.

Điều 10. Xử lý đơn khiếu nại quyết định tố tụng, hành vi tố tụng hình sự; quyết định, hành vi trái pháp luật trong thi hành án hình sự

1. Đối với khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng hình sự của Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Phó Thủ trưởng và Thủ trưởng Cơ quan điều tra, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thì cán bộ xử lý đơn đề xuất cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 475 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2. Đối với khiếu nại bản kết luận điều tra của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra thì cán bộ xử lý đơn đề xuất chuyển Thủ trưởng Cơ quan điều tra cùng cấp giải quyết.

3. Đối với khiếu nại bản kết luận điều tra của Thủ trưởng Cơ quan điều tra thì cán bộ xử lý đơn đề xuất chuyển Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp giải quyết.

4. Đối với khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam thì cán bộ xử lý đơn đề xuất chuyển Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

5. Đối với khiếu nại quyết định, hành vi trái pháp luật trong thi hành án hình sự thì cán bộ xử lý đơn đề xuất chuyển Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 178 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Điều 11. Xử lý đơn khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật

1. Việc xử lý đơn khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật được thực hiện như sau:

a) Phân loại đơn theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

b) Không thụ lý, không chuyển các loại đơn khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 44 Luật Khiếu nại năm 2011;

c) Hướng dẫn người khiếu nại gửi đơn đến cấp có thẩm quyền để giải quyết.

2. Trường hợp đơn khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật nhưng qua nghiên cứu, xem xét phát hiện việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại được quy định tại Điều 38 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại (sau đây gọi tắt là Nghị định số 124/2020NĐ-CP ngày 19/10/2020) thì cán bộ xử lý đơn phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp mình xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12 . Xử lý đơn kiến nghị, phản ánh

Việc xử lý đơn kiến nghị, phản ánh được thực hiện như sau:

1. Phân loại đơn theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Đơn có nội dung về công tác biên chế, công tác cán bộ, công tác bảo vệ chính trị nội bộ, công tác chính sách, công tác bảo hiểm trong Công an nhân dân theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư này thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp nào thì chuyển đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp đó giải quyết theo thẩm quyền.

3. Đơn kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị Công an nào thì chuyển đến cơ quan, đơn vị đó xem xét, giải quyết; nếu đã đồng gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thì lưu đơn theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

Mục 3
XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI, ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH KHÔNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 13. Xử lý đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh

Việc xử lý đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh được thực hiện như sau:

1. Phân loại đơn theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Hướng dẫn người khiếu nại, kiến nghị, phản ánh gửi đơn, chuyển đơn đến đúng cơ quan, đơn vị, tổ chức, người có thẩm quyền giải quyết.

3. Trả lại đơn, giấy tờ, tài liệu gốc của người khiếu nại, kiến nghị, phản ánh (nếu có).

4. Việc hướng dẫn gửi đơn, chuyển đơn được thực hiện bằng văn bản của cấp có thẩm quyền trong Công an nhân dân.

5. Trường hợp tiếp nhận đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh do các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này thì cán bộ xử lý đơn báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định và có văn bản phúc đáp.

Điều 14. Xử lý đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh có họ tên, chữ ký của nhiều người

Trường hợp tiếp nhận đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh có họ tên, chữ ký của nhiều người thì cán bộ xử lý đơn hướng dẫn cử người đại diện theo quy định của pháp luật và gửi đơn đến cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền giải quyết.

Mục 4
QUẢN LÝ VÀ THEO DÕI VIỆC XỬ LÝ ĐƠN

Điều 15. Quản lý, theo dõi đơn

1. Cơ quan, đơn vị, cá nhân tiếp nhận đơn theo quy định tại Điều 5 Thông tư này có trách nhiệm vào Sổ theo dõi đơn (đóng dấu "ĐẾN", ghi rõ ngày nhận đơn), nhập vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về công tác tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh (nếu có).

2. Cơ quan, đơn vị, cá nhân tiếp nhận đơn có trách nhiệm thông báo cho cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền đã chuyển đơn biết theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, đơn vị, cá nhân tiếp nhận, xử lý đơn có trách nhiệm bảo quản, không làm hư hỏng, thất lạc, không làm thay đổi hình thức và nội dung đơn; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xử lý đơn theo quy định của pháp luật.

4. Việc lưu trữ, vào Sổ theo dõi đơn hoặc sao lưu dữ liệu trên hệ thống Cơ sở dữ liệu về công tác tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, phản ánh được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật Nhà nước thuộc lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Điều 16. Lưu đơn

1. Việc lưu đơn được thực hiện với các loại đơn sau:

a) Đơn không đủ điều kiện xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

b) Đơn khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 38 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020.

2. Thời hạn lưu đơn quy định tại khoản 1 Điều này là một năm. Hết thời hạn nêu trên, người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định việc tiêu hủy đơn theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 17. Quản lý công tác giải quyết khiếu nại của Thanh tra Công an nhân dân

1. Thanh tra Bộ Công an giúp Bộ trưởng Bộ Công an thống nhất quản lý nhà nước về:

a) Giải quyết khiếu nại hành chính, khiếu nại kỷ luật;

b) Theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự, thi hành án hình sự trong Công an nhân dân.

2. Thanh tra Công an giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cùng cấp thống nhất quản lý nhà nước về:

a) Công tác giải quyết khiếu nại hành chính, khiếu nại kỷ luật của đơn vị, địa phương;

b) Theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự, thi hành án hình sự của đơn vị, địa phương.

3. Đối với Công an đơn vị, địa phương không có tổ chức Thanh tra, việc quản lý công tác giải quyết khiếu nại do Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đó chịu trách nhiệm phân công, tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quản lý công tác giải quyết khiếu nại của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân

1. Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp công tác giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của lực lượng cảnh sát điều tra các cấp.

2. Văn phòng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp công tác giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của lực lượng an ninh điều tra các cấp.

3. Cơ quan điều tra giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cùng cấp quản lý về công tác giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của đơn vị, địa phương.

Điều 19. Quản lý công tác giải quyết khiếu nại của Cơ quan thi hành án hình sự trong Công an nhân dân

1. Cục Cảnh sát Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng Bộ Công an chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp về công tác giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực thi hành án hình sự trong Công an nhân dân.

2. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cùng cấp quản lý về công tác giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực thi hành án hình sự của đơn vị, địa phương.

Điều 20. Trách nhiệm của Thanh tra Công an nhân dân

1. Thanh tra Công an các cấp có trách nhiệm tham mưu, đề xuất Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền; trừ khiếu nại lần đầu về quyết định kỷ luật cán bộ, chiến sĩ Công an.

2. Trường hợp khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu về kỷ luật cán bộ, chiến sĩ Công an, Thanh tra Công an các cấp tham mưu, đề xuất giao cơ quan chức năng có thẩm quyền trong Công an nhân dân thụ lý, giải quyết theo quy định.

3. Trường hợp khiếu nại quyết định kỷ luật của Giám đốc học viện, Hiệu trưởng các trường Công an nhân dân đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết, Thanh tra Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng tham mưu người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ quý, sáu tháng, một năm hoặc khi có yêu cầu, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an các cấp, báo cáo Thủ trưởng cấp trên trực tiếp qua cơ quan Thanh tra cùng cấp về kết quả giải quyết khiếu nại.

2. Báo cáo định kỳ về khiếu nại và giải quyết khiếu nại của các cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an (gửi qua Thanh tra Bộ Công an trước ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo) được thực hiện như sau:

a) Đối với báo cáo định kỳ quý: Báo cáo Quý I được tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước đến ngày 14 tháng 3 của năm báo cáo. Báo cáo Quý III được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 9 của năm báo cáo;

b) Đối với báo cáo định kỳ sáu tháng: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 6 của năm báo cáo;

c) Đối với báo cáo định kỳ hằng năm: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

3. Báo cáo đột xuất phải gửi kịp thời theo yêu cầu.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2022, thay thế Thông tư số 68/2013/TT-BCA ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại và quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân.

2. Khiếu nại đang được xem xét hoặc thụ lý giải quyết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 68/2013/TT-BCA ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại và quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân.

3. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định mới ban hành.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thanh tra Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này trong toàn lực lượng Công an nhân dân. Thanh tra Công an các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này trong phạm vi đơn vị, địa phương mình.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Thanh tra Bộ Công an) để hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm